

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-9-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Ngọc Lan** và bà **Nguyễn Thúy Phụng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1966; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 190, Tổ 2, ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông **Phạm T**, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà 190, Tổ 2, ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ.

(Bà H, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Theo bà H, bà và ông T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng không T hành thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H do ông T thường xuyên sử dụng rượu, bia, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo làm ăn để tạo lập kinh tế gia đình. Từ năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng nên bà H và ông T đã không còn sống chung, không còn thực

hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con: Theo bà H, vợ chồng có 05 (Năm) người con là: Phạm Thị Quỳnh Như, sinh năm 1990; Phạm Thị Quỳnh Mai, sinh năm 1992; Phạm Thị Quỳnh Nga, sinh năm 1994; Phạm Thị Quỳnh Yến, sinh năm 1996; Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003.

Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với các con chung Như, Mai, Nga, Yến đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Bà H tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo bà H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-7-2019, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Phạm T trình bày, tranh luận:

Ông T thừa nhận, về hệ hôn nhân giữa ông và bà H, đúng như bà H đã trình bày, vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn theo luật định.

Theo ông T, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cá tính không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm danh dự của nhau. Đến năm 2017, do không thể tiếp tục chung sống, bà H đã ra ngoài sống riêng tại Tổ 3, ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thành phố L. Từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con: Ông T thừa nhận, vợ chồng có 05 (Năm) người con, đúng như bà Hòa đã trình bày. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với các con Phạm Thị Quỳnh Như, sinh năm 1990; Phạm Thị Quỳnh Mai, sinh năm 1992; Phạm Thị Quỳnh Nga, sinh năm 1994; Phạm Thị Quỳnh Yến, sinh năm 1996, đến thời điểm hiện nay đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo ông T, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã T hành xác minh việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H, kết quả xác minh như sau:

Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 01-9-2019, đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Bảo Quang và Trưởng ấp Bàu Cối (Bút lục số 27, 28) thể hiện: Bà H và ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 190, Tổ 2, ấp Bàu Cối,

xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ. Qua rà soát dữ liệu đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Quang xác định, bà H và ông T không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống tại địa phương, có thấy ông T thường xuyên sử dụng rượu, bia; mâu thuẫn vợ chồng không rõ nhưng từ khoảng 02 (hai) năm gần đây, ông T và bà H không còn sống chung. Con nhỏ của vợ chồng là Phạm Minh Tân hiện đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H. Đề nghị giao con Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với các con Phạm Thị Quỳnh Như, sinh năm 1990; Phạm Thị Quỳnh Mai, sinh năm 1992; Phạm Thị Quỳnh Nga, sinh năm 1994; Phạm Thị Quỳnh Yến, sinh năm 1996 hiện đã thành niên nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Ông T, bà H khai không có, nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm T, tranh chấp về nuôi con Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phạm T có nơi cư trú tại: Ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thành phố L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở lời thừa nhận của các đương sự, phù hợp với kết quả xác minh, xác định ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H.

[3] Về con: Trước khi mở phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng, cụ thể ông T và bà H thỏa thuận: Giao con Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003 cho

bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đối với các con Phạm Thị Quỳnh Như, sinh năm 1990; Phạm Thị Quỳnh Mai, sinh năm 1992; Phạm Thị Quỳnh Nga, sinh năm 1994; Phạm Thị Quỳnh Yến, sinh năm 1996 hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung trên đây là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung (Bút lục số 26). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà H, ông T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; trước khi mở phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, ông T là người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điều 235, 246, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Phạm T.

1. Không công nhận ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con và cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

- Về con: Giao con Phạm Minh Tân, sinh ngày 15-12-2003 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh Tân mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, thời điểm cấp dưỡng tính được từ tháng 10-2019.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông T và bà H khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009698 ngày 29-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Bà H đã nộp đủ án phí. Ông Phạm T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố